

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/LĐ-ST
Ngày 24-02-2025
V/v Tranh chấp về việc yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-LĐ ngày 09 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1993; nơi thường trú: Xóm F, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH P; địa chỉ trụ sở: Lô I, 2, 3, 4-CN, đường N, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Han Chul J – Chức danh: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Thùy L, sinh năm 1986; địa chỉ: Số B, tổ F, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2024). Vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ trụ sở: Số B,

Quốc lộ A, khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng K – Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 14a/GUQ-BHXX ngày 03/6/2024), vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng); địa chỉ trụ sở: Đường số A, khu công nghiệp H, quận C, Thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanai N1 - Chức danh: Chủ tịch.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Ánh N2, sinh năm 1978; chức danh: Trưởng phòng nhân sự (theo văn bản ủy quyền số 02/UQ-FVD/2019), vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2024, bản tự khai ngày 14/6/2024 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 bà T làm việc tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng); địa chỉ trụ sở: Đường số A, khu công nghiệp H, quận C, Thành phố Đà Nẵng và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 4811029936 từ ngày 23/9/2011 đến tháng 3/2014. Cũng trong khoảng thời gian tháng 9/2011 bà bị mất giấy tờ cá nhân, vì nghĩ không ảnh hưởng gì nên khi mất giấy tờ bà cũng không trình báo sự việc cho cơ quan có thẩm quyền. Đến tháng 3/2014 bà nghỉ làm tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng). Tháng 9/2014 thì bà T về làm việc tại Công ty TNHH P, đến tháng 4/2018 bà nghỉ việc.

Khi bà T làm thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội một lần, nộp hồ sơ thì Bảo hiểm xã hội thành phố B có Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ số 1080/HDH ngày 11/11/2022 do trùng quá trình tham gia sổ sổ 4811029936 (trùng quá trình từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014) Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng). Thực tế từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 bà T làm việc tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) không làm việc cho Công ty TNHH P. Việc đóng trùng bảo hiểm thời gian này là do người khác sử dụng giấy tờ cá nhân nhân của bà để giao kết hợp đồng.

Để hoàn tất thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương: Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Lê Thị T và Công ty TNHH P từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 là vô hiệu, hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413101388 cấp cho bà Lê Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T thay đổi và tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413101388 cấp cho bà Lê

Thị T, chỉ yêu cầu Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Lê Thị T và Công ty TNHH P từ ngày 16/3/2013 đến ngày 09/5/2014 là vô hiệu, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Do thời gian đã quá lâu nên hiện tại Công ty TNHH P không còn lưu giữ toàn bộ các hợp đồng lao động liên quan đến bà Lê Thị T, tuy nhiên, qua kiểm tra hệ thống theo dõi tại Công ty, thể hiện:

Công ty TNHH P có nhận bà Lê Thị T, sinh năm 1993, số CMND: 187151741 do Công an tỉnh N cấp ngày 06/8/2009 vào làm việc 02 lần:

Lần 1: Từ ngày 16/3/2013 đến ngày 09/5/2014 thì bà T nghỉ việc.

Lần 2: Từ ngày 13/9/2014 bà T quay lại và ký hợp đồng với Công ty P để làm việc, đến 18/4/2018 bà T đã nghỉ việc cho đến nay. Trong khoảng thời gian bà T ký hợp đồng lao động, Công ty P đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho bà T theo luật định, Công ty P không biết việc ai lấy thông tin của bà T để giao kết hợp đồng như bà T trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, Công ty P đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát giải quyết theo quy định pháp luật, công ty không ý kiến vì hiện tại công ty không còn trách nhiệm, nghĩa vụ gì liên quan đến người lao động Lê Thị T.

Tại văn bản số 815/CV-BHXXH ngày 03/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B trình bày:

Công ty TNHH P (BHXXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD – BNN) cho bà Lê Thị T, sinh năm 1993, số CMND: 040193042030, mã BHXXH: 7413101388 từ tháng 4/2013 đến 4/2014; từ tháng 10/2024 đến 3/2018; khoảng thời gian từ tháng 5/2014 đến tháng 9/2014 không tham gia. Quá trình trên của bà Lê Thị T đã được BHXXH tỉnh B chốt sổ và hưởng chế độ Bảo hiểm thất nghiệp, số tiền đã hưởng hằng tháng là 2.844.600 đồng, số tháng hưởng là 04 tháng, tổng số tiền đã hưởng là 11.550.400 đồng, số tháng thất nghiệp được bảo lưu còn lại là 01 tháng; bà Lê Thị T chưa nhận BHXXH 01 lần quá trình trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bảo hiểm xã hội thành phố B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại văn bản số 42/FVD ngày 04/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) trình bày:

Bà Lê Thị T, sinh năm 1993, số BHXXH số: 4811029936 đã làm việc tại Công ty từ ngày 04/8/2011 và đã nghỉ việc từ ngày 26/3/2014, bà T có giao kết

Hợp đồng lao động với Công ty, bà T có tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014. Công ty thực hiện tuyển dụng bà T theo đúng quy định pháp luật và quy trình tuyển dụng của công ty, trong thời gian bà T làm việc tại Công ty, Công ty đã đóng BHXH cho bà T theo đúng quy định pháp luật và khi bà T nghỉ, Công ty cũng đã giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, Công ty không ý kiến và đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng Xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung:

Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa bà T và Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 09/2011 đến tháng 3/2014 vô hiệu. Huỷ sổ bảo hiểm xã hội số 7413101388. Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy bà Lê Thị T có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 và được Công ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số 4811.029936.

Việc bà T bị mất giấy tờ cá nhân và có người sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 7 của Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó việc bà T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị T với Công ty TNHH P là có căn cứ theo quy định tại Điều 132 và Điều 37 Bộ luật Dân sự năm 2005. Đình chỉ đối với việc rút yêu cầu hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413101388 cấp cho bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện Công ty P, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường

M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.3] Đối với người sử dụng giấy tờ của nguyên đơn Lê Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P từ tháng 3/2013 đến tháng 5/2014, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn xác định bà không cho ai mượn giấy tờ tùy thân của mình để xin việc làm tại Công ty TNHH P nên Hội đồng xét xử không có căn cứ, thông tin để xác định tư cách tham gia tố tụng của người này trong vụ án.

[1.4] Quá trình tố tụng, nguyên đơn Lê Thị T thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413101388 cấp cho bà Lê Thị T. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.5] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty P và bà Lê Thị T. Tuy nhiên, Công ty TNHH P thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động với người lao động tên Lê Thị T từ ngày 16/3/2013 đến ngày 09/5/2014 và từ ngày 13/9/2014 đến ngày 18/4/2018, tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ nhưng do thời gian đã lâu nên Công ty không còn lưu giữ để cung cấp cho Tòa án. Trình bày của Công ty TNHH P với thông tin cung cấp từ Bảo hiểm xã hội B, Công ty TNHH P có đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Lê Thị T từ tháng 4/2013 đến 4/2014 và từ tháng 10/2024 đến 3/2018. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH P và người lao động tên Lê Thị T. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Lê Thị T như sau: Mã số bảo hiểm xã hội 4811.029936 từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng). Mã số bảo hiểm xã hội 7413101388 từ tháng 4/2013 đến 4/2014; từ tháng 10/2024 đến 3/2018 tại Công ty TNHH P .

Nguyên đơn Lê Thị T xác định không ký hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 5/2014, thời gian này nguyên đơn vẫn đang làm việc tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng), có ký hợp đồng lao động và được Công ty P với mã số 4811.029936, lời khai của nguyên đơn phù hợp với trình bày của Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng). Nguyên đơn Lê Thị T chỉ làm việc tại Công ty TNHH P từ thời gian tháng 9/2014 tháng 4/2018.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 5/2014, nguyên đơn Lê Thị T không làm việc tại Công ty TNHH P. Việc cá nhân khác sử dụng thông tin của nguyên đơn để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 5/2014 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động; vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động mang tên Lê Thị T với Công ty TNHH P từ tháng 3/2013 đến tháng 5/2014 vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 17 và Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động tên Lê Thị T và Công ty TNHH P từ ngày 16/3/2013 đến ngày 09/5/2014 là vô hiệu.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2014 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413101388 cấp cho bà Lê Thị T.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT, NTS 10.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang